

Ứng dụng mô hình Cấu trúc - Thực hiện - Kết quả thị trường trong nghiên cứu cấu trúc thị trường tôm nuôi nước lợ ở Việt Nam

PHƯỚC MINH HIỆP^{*}
LÊ BẢO TOÀN^{**}

Tóm tắt

Bài viết vận dụng mô hình Cấu trúc - Thực hiện - Kết quả thị trường (SCP) để phân tích cấu trúc và kết quả của thị trường tôm nuôi ở Việt Nam. Kết quả cho thấy, trong giai đoạn 2016-2018, thị trường tôm nuôi ở Việt Nam có sự cạnh tranh độc quyền và không tập trung. Vì vậy, cần giảm sự tập trung hơn nữa để tăng mức độ cạnh tranh của thị trường.

Từ khóa: cấu trúc thị trường, mô hình SCP, ngành tôm, cạnh tranh độc quyền

Summary

The article employs the structure - conduct - performance (SCP) model to analyze the structure and performance of brackish-water shrimp market in Vietnam. The result shows that brackish-water shrimp market in Vietnam is unconcentrated and monopolistic over the period 2016-2018. Therefore, it is necessary to reduce the concentration to increase the market competition.

Keywords: market structure, SCP model, shrimp industry, monopolistic competition

GIỚI THIỆU

Nuôi tôm ở Việt Nam đã và đang phát triển mạnh trong những năm gần đây, trở thành ngành kinh tế quan trọng, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân ven biển, cũng như nguồn ngoại tệ cho đất nước thông qua hoạt động xuất khẩu. Để ngành tôm phát triển, đạt kim ngạch xuất khẩu 10 tỷ USD trước năm 2025..., cần có nguồn thông tin đầy đủ về cấu trúc thị trường và hiệu quả thị trường tôm. Bài viết này dựa trên lý thuyết về mô hình SCP để nghiên cứu cấu trúc thị trường tôm nuôi, qua đó cung cấp cho các nhà làm chính sách và các nhà máy sản xuất, chế biến thủy sản một góc nhìn khác về tình hình phát triển thị trường tôm nuôi ở Việt Nam.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Mô hình SCP được phát triển bởi Mason (1939) và Bain (1951). Lý thuyết này được sử dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau, như: quản lý kinh doanh và quản lý chiến lược... (Lelissa, 2018). Lipczynski và cộng sự (2005) đưa ra giả thuyết rằng, không chỉ cấu trúc

ngành ảnh hưởng đến thực hiện và kết quả thị trường, mà ngược lại, thực hiện và kết quả thị trường cũng có khả năng ảnh hưởng đến cấu trúc ngành.

Trong bài viết này, nhóm tác giả sử dụng mô hình SCP làm khung nghiên cứu cho việc phân tích cấu trúc thị trường tôm (Hnh). Trong đó:

Cấu trúc thị trường là khái niệm để chỉ cách thức tổ chức của thị trường. Theo Lipczynski và cộng sự (2005), cấu trúc thị trường đề cập đến: số lượng người bán và người mua, rào cản gia nhập ngành, khác biệt hóa sản phẩm, gia nhập theo chiều dọc, đa dạng hóa sản phẩm. Cấu trúc thị trường thông thường được đo bằng tỷ lệ tập trung (concentration ratio - CR) và chỉ số Herfindahl Hirschman (HHi).

CR là tổng thị phần của một nhóm công ty có thị phần lớn nhất. Chẳng hạn, tỷ lệ tập trung của 4 công ty (CR4) là tổng thị phần (tích lũy) của 4 doanh nghiệp hàng đầu trong ngành (có thị phần lớn nhất). Ví dụ. CR4 = 70% hàm ý rằng, 4

^{*} PGS., TS., Tạp chí Cộng sản

^{**} ThS., Trường Đại học Trà Vinh

Ngày nhận bài: 08/6/2020; Ngày phân biệt: 20/6/2020; Ngày duyệt đăng: 26/6/2020

doanh nghiệp lớn nhất trên thị trường đã chiếm tới 70% thị phần. CR4 được tính theo công thức sau:

$$CR4 = \sum_{i=1}^4 \left(\frac{x_i}{T} \right)$$

Trong đó: x_i là quy mô tuyệt đối của các công ty i và T là tổng quy mô thị trường; S_i là thị phần của doanh nghiệp thứ i trên thị trường (%), $S_i = x_i/T$.

Theo Mohamed và cộng sự (2015), dựa vào các mức độ tập trung, có thể phân loại thị trường thành các dạng như sau:

- Cạnh tranh hoàn hảo (Perfect Competition), với tỷ lệ tập trung $CR = 0$;
- Cạnh tranh độc quyền hay cạnh tranh không hoàn hảo (Monopolistic Competition), với tỷ lệ tập trung $0 < CR \leq 60$;
- Độc quyền nhóm (Oligopoly), tỷ lệ tập trung $60 < CR \leq 90$;
- Độc quyền (Monopoly), tỷ lệ tập trung $90 < CR \leq 100$.

Còn chỉ số HHI phản ánh mức tập trung người bán ở một thị trường có tính đến tổng số công ty trên thị trường và quy mô tương đối của họ. HHI được sử dụng để đo lường quy mô của doanh nghiệp trong mỗi tương quan với ngành và là một chỉ báo về mức độ cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành, thường được tính bằng tổng bình phương thị phần của các doanh nghiệp. Công thức tính HHI như sau:

$$HHI = \sum_{i=1}^n S_i^2$$

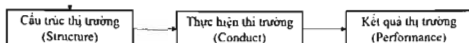
Trong đó: n là tổng số doanh nghiệp và S_i là thị phần của doanh nghiệp thứ i .

Theo thống lệ quốc tế, một thị trường được coi là cạnh tranh khi $HHI < 1.000$, thị trường không mang tính tập trung: $1.000 \leq HHI < 1.800$, thị trường tập trung ở mức độ vừa phải; $1.800 \leq HHI$: thị trường ở mức độ tập trung cao (Mohamed và cộng sự, 2015).

Thực hiện thị trường đề cập đến hành vi thực hiện thị trường của các công ty trong ngành, theo điều kiện của mô hình SCP. Theo Lipczynski và cộng sự (2005), một số yếu tố hay các biến thực hiện bao gồm: (1) Mục tiêu kinh doanh; (2) Chính sách giá; (3) Thiết kế sản phẩm, xây dựng thương hiệu, quảng cáo và tiếp thị; (4) Nghiên cứu và phát triển; (5) Sự liên kết; (6) Sáp nhập.

Kết quả thị trường bao gồm: (1) Lợi nhuận; (2) Sự tăng trưởng (doanh số, tài sản hoặc việc làm...), khả năng sinh lời; (3) Chất lượng sản phẩm và dịch vụ; (3) Tiến bộ công nghệ; (4) Hiệu quả sản

HÌNH: KHUNG NGHIÊN CỨU SCP THỊ TRƯỜNG TÔM



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

BẢNG 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TÔM TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2018

Nội dung	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017	So sánh 2017/2016 (%)	Năm 2018	So sánh 2018/2017 (%)
Diện tích sản xuất	Ha	694.600	721.100	3,8	736.400	2,1
Sản lượng sản xuất	Tấn	657.200	723.800	10,1	800.000	10,5
Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	3.151	3.855	22,3	3.554	-7,8

Nguồn: Tổng hợp từ Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam

xuất và phân bổ (Lipczynski và cộng sự, 2005). Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chỉ tiêu lợi nhuận gộp (Gross Profit - GP) làm biến đại diện cho kết quả thị trường. Lợi nhuận gộp là khoản chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán trong kỳ.

Tỷ suất lợi nhuận gộp (%GP) = Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần.

Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng số liệu thứ cấp được thu thập từ các báo cáo tài chính của 4 công ty thủy sản (SFC) có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất Việt Nam trong giai đoạn 2016-2018. Bên cạnh đó, nhóm tác giả cũng thu thập số liệu liên quan đến tình hình sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu tôm giai đoạn 2016-2018 từ các báo cáo của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Bốn thị trường nhập khẩu tôm Việt Nam là EU, Nhật Bản, Mỹ và Trung Quốc được chọn để nghiên cứu, vì đây là những thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất Việt Nam trong giai đoạn 2016-2018 theo thống kê của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để mô tả tổng quan tình hình sản xuất và xuất khẩu tôm giai đoạn 2016-2018. Đồng thời, tính toán tỷ lệ CR4 và chỉ số HHI để phân tích mức độ tập trung thị trường.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Tổng quan tình hình sản xuất và kim ngạch xuất khẩu tôm

Bảng 1 cho thấy, diện tích và sản lượng sản xuất tôm ở Việt Nam tăng trưởng qua các năm. Trong đó, năm 2018, diện tích sản xuất tôm đạt 736.400 ha, tăng 2,1% so với năm 2017 và sản lượng sản xuất là 800.000 tấn, tăng 10% so với cùng kỳ. Mặc dù vậy, kim ngạch xuất khẩu năm 2018 lại giảm 7,8% so với cùng kỳ năm 2017, do nhu cầu tiêu thụ tôm giảm ở các thị trường lớn (như Mỹ) và giá tôm thế giới giảm.

BẢNG 2: BỐN THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU CHÍNH CỦA TÔM VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2018

DVT: Triệu USD

Thị trường	Năm 2016	Cơ cấu (%)	Năm 2017	Cơ cấu (%)	So sánh 2017/2016 (%)	Năm 2018	Cơ cấu (%)	So sánh 2018/2017 (%)
EU	600,37	19	862,82	22	+3,7	838,30	24	-2,8
Nhật Bản	599,84	19	704,15	18	17,4	639,43	18	-9,2
Mỹ	708,76	22	659,24	17	-7,0	637,72	18	-3,3
Trung Quốc	435,62	14	683,20	18	56,8	492,18	14	-28,0
Khác	806,15	26	945,34	25	17,3	946,78	27	0,2
Cộng	3.151,72	100	3.854,74	100	22,3	3.554,40	100	-7,8

BẢNG 3: BỐN DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU TÔM LỚN NHẤT VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2018

DVT: Triệu USD

SFC	Năm 2016	Cơ cấu (%)	Năm 2017	Cơ cấu (%)	So sánh 2017/2016 (%)	Năm 2018	Cơ cấu (%)	So sánh 2018/2017 (%)
SFC1	312,74	10	330,07	9	5,5	423,19	12	28,2
SFC2	219,40	7	364,93	9	66,3	322,35	9	-11,7
SFC3	222,98	7	186,41	5	-16,4	166,30	5	-10,8
SFC4	132,08	4	151,25	4	14,5	156,71	4	3,6
Khác	2.263,53	72	2.822,08	73	24,7	2.485,85	70	-11,9
Cộng	3.151,72	100	3.854,74	100	22,3	3.554,40	100	-7,8

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam

BẢNG 4: KẾT QUẢ CR4 VÀ HHI TRONG GIAI ĐOẠN 2016-2018

SFCs	Năm 2016			Năm 2017			Năm 2018		
	Doanh thu (Triệu USD)	S _i	S _i ²	Doanh thu (Triệu USD)	S _i	S _i ²	Doanh thu (Triệu USD)	S _i	S _i ²
SFC1	313	10	100	330	9	81	423	13	169
SFC2	219	7	49	365	9	81	322	10	100
SFC3	223	7	49	186	5	25	166	5	25
SFC4	132	4	16	151	4	16	157	5	25
CR4		28			27			33	
HHi			214			203			319

Nguồn: Kết quả tính toán của nhóm tác giả

Theo số liệu ở Bảng 2, bốn thị trường chính gồm: EU, Nhật Bản, Mỹ, Trung Quốc chiếm 73% tổng giá trị xuất khẩu tôm của Việt Nam. Năm 2018, xuất khẩu tôm Việt Nam sang 4 thị trường này đều giảm, trong đó xuất khẩu sang Trung Quốc giảm mạnh nhất (28%), tiếp đến là Nhật Bản (9,2%), Mỹ (3,3%) và EU (2,8%).

Năm 2018, 4 doanh nghiệp thủy sản xuất khẩu tôm lớn nhất Việt Nam (SFC1, SFC2, SFC3 và SFC4¹) chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu tôm của cả nước (Bảng 3). Có 2 doanh nghiệp sụt giảm doanh thu xuất khẩu năm 2018; các doanh nghiệp còn lại đều tăng

doanh thu, trong đó SFC1 tăng mạnh nhất (tăng 28,2% so với năm 2017).

Cấu trúc thị trường nuôi tôm

Kết quả tính toán CR4 và HHi trong giai đoạn 2016-2018 được trình bày ở Bảng 4. Theo đó, giá trị CR4 lần lượt đạt 28, 27 và 33 trong các năm 2016, 2017, 2018, nằm trong khoảng $0 < CR4 \leq 60$, cho thấy thị trường thuộc loại cạnh tranh độc quyền.

Tương tự, kết quả HHi trong giai đoạn nghiên cứu cũng lần lượt đạt 214, 203 và

¹ Tên doanh nghiệp đã được thay đổi.

319, đều nhỏ hơn 1.000, tức là thị trường không tập trung. Từ đó, có thể đưa ra kết luận rằng, thị trường tôm là một thị trường có sự cạnh tranh độc quyền và không tập trung.

Kết quả thị trường

Qua kết quả phân tích ở Bảng 5, có thể nhận thấy, tỷ suất lợi nhuận gộp của 4 doanh nghiệp này rất tốt, bình quân đạt 8% và 9% ở các năm 2017 và 2018. Thậm chí, trong năm 2018, có 3 trên 4 doanh nghiệp có tỷ suất lợi nhuận gộp $\geq 10\%$. Nếu so sánh mức tăng trưởng của tỷ suất lợi nhuận gộp này với tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu (Bảng 3),

thì càng cho thấy tăng trưởng lợi nhuận gộp hàng năm của 4 doanh nghiệp xuất khẩu tôm lớn nhất này là rất tốt.

KẾT LUẬN

Thông qua mô hình SCP, nghiên cứu đưa ra kết luận rằng, thị trường tôm nuôi ở Việt Nam là một thị trường có sự cạnh tranh độc quyền và không tập trung. Lợi nhuận gộp của 4 công ty hàng đầu cũng rất tốt với tỷ suất lợi nhuận đạt giá trị cao trong giai đoạn nghiên cứu. Tuy nhiên, để thị trường phát triển hơn nữa, cần giảm sự tập trung thị trường của 4 công ty nhằm tăng mức độ cạnh tranh, hướng đến một thị trường cạnh tranh hoàn hảo. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú (2017, 2018, 2019). *Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, 2017 và 2018*
2. Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (2017, 2018, 2019). *Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, 2017 và 2018*
3. Công ty Cổ phần Thủy sản Minh Phú Hậu Giang (2017, 2018, 2019). *Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, 2017 và 2018*
4. Công ty Cổ phần Thủy sản Sóc Trăng (2017, 2018, 2019). *Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, 2017 và 2018*
5. Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2016, 2017, 2018). *Báo cáo xuất khẩu thủy sản Việt Nam năm 2016, 2017, 2018*
6. Lê Văn Gia Nhỏ, Nguyễn Phú Sơn, Nguyễn Tấn Khuyến (2012). *Nghiên cứu Chuỗi giá trị trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ cá tra tôm sú ở Đồng bằng sông Cửu Long*, Đề tài nghiên cứu cấp bộ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7. Nguyễn Văn Thuận (2014). *Giải pháp phát triển thị trường cá tra ở Đồng bằng sông Cửu long*. Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Cần Thơ
8. Huỳnh Văn Tùng, Lưu Thanh Đức Hải (2016). *Mức độ cạnh tranh của thị trường mía đường Đồng bằng sông Cửu long theo phương pháp phân tích SCP*, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 44, 39-50
9. Bain J.S. (1951). Relation of profit rate to industry concentration: American manufacturing, 1936-1940, *Quarterly Journal of Economics*, 65, 293-324
10. Bassey N.E, Okon U.E, and Okeke C.C. (2015). Effect of Market Structure and Conduct on the Performance of Selected Agro-Based Firms in Nigeria, *International Journal of Man, Sciences and Business Research*, 4(2), 54-65
11. Kaimakoudi E., Polymeros K. and Karelakis C. (2009). *An investigation of the supply chain of fisheries products in Greece*, Paper prepared for presentation at the 113th EAEE Seminar A resilient European food industry and food chain in a challenging world. Chania, Crete, Greece, September 3-6, 2009
12. Krivka A. (2016). On the Concept of Market Concentration, the Minimum Herfindahl-Hirschman Index, and Its Practical Application, *Panoeconomicus*, 63(5), 525-540
13. Lelissa T.B. (2018). The Structure Conduct Performance Model and Competing Hypothesis-A Review of Literature. *Research Journal of Finance and Accounting*, 9(1), 76-89
14. Lipczynski J., Wilson J. and Goddard J. (2005). *Industrial Organization, Competition, Strategy, Policy*. FT Prentice Hall, London, second edition
15. Mason E.S. (1939). Price and production policies of large scale enterprise. *American Economic Review*, 29, 61-74
16. Mohamed Z., Kasron N., AbdLatif I. (2015). Structure, Conduct and Performance of the Malaysian Meat and Meat Preparation Industry, *Pertanika J. Soc. Sci. and Hum.*, 23(5), 47-62
17. Relawati R., Masyhuri, Mulyo J.H., Waluyati L.R. (2018). The Structure-Conduct-Performance of Indonesian Apple Fruit Market. *Advances in Engineering Research*, 172, 239-244